

NGHỀ DỆT CỎ TRUYỀN CỦA NGƯỜI CHIL Ở HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

VÕ TẤN TỬ*

Dựa trên nguồn tư liệu điền dã của tác giả, bài viết khảo cứu về nghề dệt truyền thống của nhóm người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung: kỹ thuật trồng bông, kéo sợi, nhuộm sợi, dệt vải và sản phẩm; cách tổ chức sản xuất và phân công lao động; đánh giá thực trạng; đề xuất những giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị kinh tế, xã hội và văn hóa của nghề dệt. Nghiên cứu nghề dệt cỏ truyền của người Chil, có thể thấy họ có trình độ tay nghề tinh xảo, nghề dệt đã phát triển lâu đời và các sản phẩm dệt của họ là những thành tố văn hóa của cư dân nông nghiệp.

Từ khóa: văn hóa dân gian, nghề dệt truyền thống, người Chil, tộc người Cơ ho

Nhận bài ngày: 7/1/2017; đưa vào biên tập: 10/1/2017; phản biện: 20/1/2017; duyệt đăng: 12/2/2017

Người Chil là một nhóm địa phương của tộc người Cơ ho⁽¹⁾, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer ở Việt Nam. Địa bàn cư trú chủ yếu của họ là ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng và một bộ phận sống rải rác ở các tỉnh Nam Tây Nguyên. Dân số người Chil trong tỉnh Lâm Đồng vào cuối năm 2012 là 56.143 người, chiếm khoảng 20% dân số các dân tộc thiểu số toàn tỉnh⁽²⁾, trong đó ở huyện Lạc Dương có 12.606 người⁽³⁾ (Ủy ban Nhân dân huyện Lạc Dương 2012). Trong quá trình hình thành và phát triển, người Chil đã sáng tạo một nền văn hóa vừa có những nét tương đồng, vừa có các đặc điểm riêng biệt so với nhiều nhóm địa phương khác trong cộng đồng tộc người Cơ ho.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự phát triển của công nghiệp và thương mại đã cung cấp đủ mọi mặt hàng tiêu dùng hàng ngày ở cả những vùng xa xôi, làm mai một không ít các nghề thủ công truyền thống của nhiều tộc người, trong đó có nghề dệt của người Chil, mặc dù chính quyền huyện Lạc Dương đã có những nỗ lực nhằm duy trì và phát triển nghề dệt. Số người còn biết dệt giảm đi nhiều và hiếm có cơ hội truyền nghề cho các thế hệ sau. Điều này không chỉ đe dọa làm mất đi kỹ thuật dệt, nhuộm truyền thống mà còn làm mất đi nhiều giá trị văn hóa truyền thống khác (trang phục truyền thống, phong cách hoa văn, tập quán cộng đồng...). Vì vậy, nghề dệt cỏ truyền của người Chil có thể coi là một loại hình văn hóa phi vật thể cần được bảo tồn và

* Trường Đại học Đà Lạt.

phát huy theo *Luật Di sản văn hóa* (2001) và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*.

Dựa trên những tài liệu điền dã, phỏng vấn hồi cố, bài viết cố gắng miêu tả một cách có hệ thống về nghề dệt truyền thống của người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm đồng, với mục đích bảo tồn vốn tri thức và kinh nghiệm nghề dệt đã được người Chil tích lũy từ lâu đời. Bài viết này còn nhằm cung cấp tư liệu để khôi phục nghề dệt truyền thống của người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng nếu được hỗ trợ theo tinh thần Đề án *Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020*⁽⁴⁾.

1. KỸ THUẬT TRỒNG BÔNG CỦA NGƯỜI CHIL Ở LẠC DƯƠNG

Sợi bông vải là nguyên liệu chính trong nghề dệt truyền thống của người Chil ở huyện Lạc Dương. Để tạo ra sợi bông vải, người Chil phải mất cả năm, từ khi trồng cây bông đến khi thu hoạch. Quy trình trồng bông cũng giống như trồng lúa rẫy, phải trải qua các khâu: chọn đất, phát rẫy, đốt rẫy, tria hạt, chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch.

Chọn đất rẫy (pàh tēh mbrir): công việc chọn đất rẫy để trồng bông do người đàn ông trong gia đình đảm nhiệm, được tiến hành vào khoảng thời gian tương đương với đầu tháng 12 dương lịch. Đất chọn làm rẫy phải là đất nằm ven sông. Các bô lão nhiều kinh nghiệm cho biết: “Đất ở ven sông là đất tốt, có pha cát, nhiều mùn, bằng phẳng, trời nóng cây trồng mới lên, nở

to và cho nhiều bông. Còn đất trên đồi có nhiều đá, trời lại lạnh, cây bông chậm lớn, nở nhỏ, cho ít bông”.

Phát, đốt và dọn rẫy (mus, chu mbrir): Người Chil thường tiến hành phát rẫy vào đầu tháng 2 dương lịch, vì đây là mùa khô ở Tây Nguyên nói chung, Lâm Đồng nói riêng. Công việc phát rẫy chủ yếu do nam giới làm. Phát rẫy xong, đợi cho cây cỏ khô hết, thường là từ một tháng trở lên, thì họ bắt đầu đốt. Thời điểm đốt rẫy là đầu giờ chiều, lúc nắng tốt, cây đang khô sẽ cháy nhanh và cháy hết. Sau khi đốt xong, người ta phải dọn rẫy, tức là gom dọn các nhánh cây cháy dở ra bìa rẫy. Tro đốt rẫy sẽ là nguồn phân chính cho cây bông. Công việc dọn rẫy khá vất vả, kéo dài từ 3 - 4 ngày với sự tham gia của cả gia đình.

Tria hạt (tũc ngă): Giống như việc canh tác lúa và bắp, công việc đầu tiên trong trồng bông là tria hạt, được làm theo phương thức đàn ông đi trước chọc lỗ, phụ nữ đi sau bỏ hạt xuống. Trẻ em cũng có thể tham gia phụ giúp. Trước khi đem hạt đi tria, người Chil thường trộn hạt giống với một ít tro bếp. Khi cây bông được một tuần tuổi, việc chăm sóc cây con cho đến khi thu hoạch chỉ đơn giản là canh giữ chim chóc, hay thú rừng vào phá hoại. Cây bông phát triển tự nhiên, không được bón phân hay tưới nước gì thêm. Chính vì vậy mà năng suất bông thường rất thấp.

Thu hoạch, phơi và tách bông: Việc thu hoạch bông bắt đầu vào tháng 11 dương lịch, do phụ nữ và trẻ em đảm

nhiệm. Họ thường hái bông vào buổi sáng, đến trưa thì tạm nghỉ và tiếp tục vào buổi chiều. Khi hái bông, họ thường mang cái *khiêu* (giống như gùi nhưng đeo trước bụng), dùng tay rút múi bông cho vào *khiêu*. Thu hoạch xong, bông được phơi khô và sau đó được đổ vào nia. Người ta dùng tay tách những múi bông dính chùm ra thành từng múi một, đồng thời loại bỏ những lá khô hay vỏ bông còn sót lại. Mục đích của khâu này là làm cho bông được sạch và xốp để cán bông được dễ dàng hơn.

Trước đây, nghề dệt phổ biến ở khắp các bon người Chil nên bông cũng là cây trồng quan trọng. Vì vậy, khi canh tác họ phải làm lễ và kiêng kỵ như làm lúa rẫy vậy. Chẳng hạn, lúc đi chọn đất trồng bông, nếu nghe tiếng hươu nai kêu thì đó là điềm xấu, phải quay về nhà ngay; khi chọn đất xong, trên đường về nhà nếu người ngoài hỏi chuyện thì không nói, để sau này chim, thú rừng không đến phá hoại cây trồng; ngày chọn đất thì kiêng không cho người lạ vào nhà. Chọn được đất rồi, gia chủ phải cúng *yàng* trước khi phát rẫy, làm đất. Lễ vật là gà và rượu cần, nhằm cầu xin thần linh (*yàng*) phù hộ, để không xảy ra tai nạn... Đêm hôm trước ngày đi phát rẫy, người đàn ông chủ nhà phải đoán điềm tốt, xấu qua giấc mơ. Mơ thấy buồng chuối, đánh cá hay không mơ thấy gì là điềm tốt, sáng hôm sau có thể tiến hành phát rẫy. Nếu mơ thấy người cưỡi truồng, gãy răng, giết gà, cho sợi cườm... là điềm xấu, phải

hoãn ngày phát rẫy sang ngày khác. Ngày đầu tiên đi phát rẫy, trên đường đi mà nghe vượn kêu, gập con rắn, con mang bò hay chạy ngang qua đường thì phải quay về. Trong suốt những ngày phát rẫy, nếu gặp con khỉ thì phải bỏ đám rẫy đang phát, đi tìm đám rẫy khác. Người Chil tin rằng, khi phát rẫy mà thấy khỉ, đặc biệt là khi nó có dấu hiệu ngủ gật, chảy nước mắt, nhìn người phát rẫy, thì gia đình sẽ xui xẻo, thậm chí có chết người. Khi phát rẫy, trong nhà có con gà mái đang ấp trứng, mổ trứng liên tục cũng là điềm xấu, phát rẫy sẽ gặp tai nạn. Phát rẫy xong, khi về nhà họ không tắm liền, mà phải chờ đến khi mặt trời lặn mới tắm rửa, nếu không làm vậy, rẫy đốt sẽ không cháy, hạt trồng không lên.

Gần đây, người Chil ở Lạc Dương dùng sợi len hoặc chỉ công nghiệp để dệt và hầu như không còn trồng bông nữa. Về cây trồng thì họ đã chuyển sang trồng cà phê, các loại rau củ khác. Kỹ thuật canh tác cũng đã thay đổi và nông nghiệp làm rẫy theo kiểu chặt - đốt đã lùi về quá khứ.

2. CÔNG CỤ VÀ CÁC CÔNG ĐOẠN CƠ BẢN CỦA NGHỀ DỆT

2.1. Tạo sợi từ bông

Bông được phơi khô và làm sạch nhưng vẫn còn hạt. Để se sợi, việc trước tiên là phải tách bỏ hạt sau đó mới tạo ra sợi. Công đoạn này gồm:

- *Cán bông (trơ giết đềm)*: Công cụ cán bông người Chil gọi là *trơ giết đềm*, gồm có 2 bộ phận: *kơ nờl jưng* có

chiều dài 75cm gồm 2 phần, phần hình thang cân dài 55cm nối phần hình dạng tròn, có đường kính 20cm. Phần hình tròn có 2 lỗ mộng hình vuông để lắp bộ phận thứ 2 của khung là *jrong tro giết*, tức hai trụ cao 45cm, bề ngang 7cm, dày 4cm, đầu hai trụ được cố định bằng một sợi mây rừng. Khung này có tác dụng giữ vững và thẳng bằng khi người thợ ngồi cán bông. Sau khi cán bông, hạt sẽ được loại khỏi bông.

- *Bắn bông (kắm biể đềh)*: Dụng cụ bắn bông giống như một cây cung có hai bộ phận là cánh cung (*brom kắm*) và dây cung (*sai kắm*). Cánh cung được làm bằng phần cật của cây lồ ô, có độ dẻo cao, được uốn cong bằng dây cung, giống hệt như hình dạng cây cung. Độ dài ngắn của cánh cung phụ thuộc vào kích thước của dây cung. Hai điểm đầu mút của cánh cung được vót nhỏ, có khắc rãnh để gắn dây cung vào. Dây cung được làm từ thân của cây mây rừng già, dài 75cm, được tạo thành từ 6 sợi dây kép mảnh để tạo độ rung lớn, làm cho bông nhanh tơi khi thực hiện công việc. Thao tác bắn bông là nhằm làm tơi sợi bông vì sau khi cán bông, bông bị ép chặt không thể se thành sợi. Khi bắn bông, người ta nắm giữa cánh cung, tay còn lại liên tục kéo và buông dây cung để dây cung làm tơi, xốp bông.

- *Kéo sợi (rôi brài) và cuộn sợi (konòn brài)*: Kéo sợi và cuộn sợi là khâu tạo ra sợi và quấn sợi thành cuộn để nhuộm hoặc đưa thẳng vào khung dệt

(tạo sợi dọc) và dệt (đưa sợi ngang liên kết với sợi dọc). Công cụ kéo sợi và cuộn sợi chính là xa quay sợi (*khưng rôi brài*). Xa quay sợi gồm hai bộ phận được gắn vào một thanh gỗ dày (*čonrò jùng jă*) đặt trên nền đất làm đế để giữ thẳng bằng khi kéo sợi. Bộ phận thứ nhất của xa quay sợi là bộ khung gỗ tạo trục giữ một bánh xe được tạo nên bởi những thanh nan bằng gỗ hay cật tre già (được khoét lỗ ở giữa và hai đầu), có vành bánh xe là một sợi dây luồn chéo từ thanh nan bên này với thanh nan bên kia và ngược lại. Trục bánh xe được gắn với một thanh quay; khi kéo sợi người thợ sẽ quay thanh quay làm bánh xe quay tròn. Phần còn lại của xa quay sợi là một thanh gỗ ngắn có khoét lỗ để gắn "rọi cuộn sợi" (*kon sóc*) đồng thời làm trục cho rọi cuộn sợi quay tròn một cách dễ dàng. Rọi cuộn sợi là một đoạn sắt dài 24cm, đường kính 0,5cm được mài cho thon, nhọn một đầu để người thợ se được sợi nhỏ, đều và chắc. Hai bộ phận của xa quay sợi được nối liền với nhau bằng một vòng dây (*sai wăh khưng*), được quấn vào bánh xe và rọi cuộn sợi, làm chức năng truyền lực như dây curoa. Khi se sợi, người thợ lấy ra một lọn bông và tạo ra một đầu dây bông nhỏ nối vào đầu nhọn của rọi cuộn sợi, tay phải nắm đòn quay quay bánh xe và bánh xe sẽ kéo vòng dây *sai wăh khưng* quay theo đồng thời làm rọi cuộn sợi cũng quay tròn; lúc này tay trái người thợ cầm lọn bông và dùng các ngón tay vừa thả bông vừa khéo léo điều chỉnh lượng bông sao cho sợi bông

thành phẩm sau khi se được đều và chắc. Nếu sợi bông chưa được xoắn đều và chắc, người thợ vẫn tiếp tục quay bánh xe, để rọi cuộn sợi vẫn tiếp tục xoắn sợi nhưng người thợ sẽ làm cho sợi bông dài ra bằng cách đưa tay trái ra xa và đôi khi ngã người ra phía sau, chưa cho sợi được cuộn vào rọi cuộn sợi. Chỉ khi sợi bông như ý muốn, người thợ mới điều chỉnh cho sợi bông được cuộn vào rọi cuộn sợi. Khi rọi cuộn sợi đã đầy, người thợ sẽ cuộn sợi vào các khung cuộn sợi (*sonar sar brài*). Kéo sợi là thao tác đòi hỏi sự khéo léo, thuần thục, nhịp nhàng và thường do những người có kinh nghiệm làm. Nếu sợi bông có chỗ to, chỗ nhỏ, không đều hoặc nhiều mối nối (do se sợi bị đứt) thì khi dệt mặt vải sẽ bị thô, xấu.

2.2. Chất liệu nhuộm và cách nhuộm sợi

Sau khi sợi đã được cuộn vào khung, người thợ có thể tiến hành dệt vải. Tuy nhiên, để tạo ra màu sắc, hoa văn, người thợ phải nhuộm sợi trước khi dệt. Nhuộm là công đoạn quan trọng và màu sắc mà người Chil ưa thích cũng là một đặc trưng văn hóa của họ.

Chất liệu nhuộm sợi được người Chil lấy từ thiên nhiên, đó là các loại lá, củ, quả, thân cây... Tạo ra màu sắc là cả một quá trình đúc kết kinh nghiệm từ nhiều đời của người Chil. Bảng màu tự nhiên gồm 5 màu chính, như:

- *Màu xanh đậm (jù)*: được làm từ lá cây *trom* trồng ở ven suối, lá được hái về cho vào ché để ngâm, sau 3 ngày lá nung ra họ vớt bỏ xác, cho thêm

vào ché một ít hạt bầu, ớt rang giã nhỏ cùng với bột vỏ ốc lấy ở suối (đã đốt thành tro). Hỗn hợp này khuấy đều sẽ tạo thành màu xanh đen, sau đó được cất trong vỏ trái bầu khô, khi nào cần nhuộm thì mới lấy ra hòa với nước lã.

- *Màu xanh lá cây (mu)*: để tạo màu xanh lá cây, họ đi hái lá xoài rừng hoặc lá đậu đũa đem về giã nhỏ, lọc lấy nước sau đó pha với nước lạnh.

- *Màu đỏ (brông)*: được tạo từ hạt quả cây nho (*chĩ nho*) trong rừng. Đây là loại quả có lông bên ngoài, sau khi hái, đem về phơi khô, bóc vỏ lấy hạt. Hạt đem ngâm trong nước lạnh 1 đêm, sau đó dùng tay sát cho ra màu.

- *Màu vàng (rơ mót)*: để tạo màu vàng, họ lấy củ nghệ tươi (*bùm rơ mót*) cạo bỏ lớp vỏ, giã nhuyễn với muối, sau đó pha với nước lạnh để nhuộm.

- *Màu trắng (bò)*: giữ nguyên sợi bông vải không nhuộm.

Khi đã pha chế xong thuốc nhuộm, họ bỏ sợi vào ngâm từ 3 đến 4 giờ, vớt ra đem phơi khô, sau đó lại ngâm tiếp, độ 4 đến 5 lần là được. Màu nhuộm từ các loại lá, củ, quả này rất tươi, đẹp, không bị phai màu qua thời gian. Người Chil còn có một cách nhuộm khá đặc biệt, để tạo hoa văn *khan mắt* (loại hoa văn đốm trắng trên nền sợi chỉ dệt). Họ dùng nhiều sợi lạt nhỏ, buộc thật chặt vào sợi màu trắng sau đó cho vào thuốc nhuộm, nhuộm xong họ mới mở cọng lạt ra, chỗ có cọng lạt sẽ không ăn màu tạo nên những đốm trắng trên sợi.

Lúc nhuộm sợi, tay người thợ phải sạch, đặc biệt không được dính mỡ heo, vì như vậy sẽ làm cho sợi không ăn màu. Nước nhuộm được mức ở suối lên từ sáng sớm, trước khi tắt cả mọi người trong bon tới lấy. Khi nhuộm họ không cho người lạ được biết, đặc biệt là với người góa, người mang thai con đầu lòng. Người trong gia đình cũng không được hỏi hoặc đến gần nơi nhuộm. Họ cho rằng nếu những người này biết thì khi nhuộm xong sợi sẽ biến thành màu trắng. Nơi nhuộm thường phải sạch sẽ, được che chắn kín đáo.

2.3. Khung dệt và các thao tác dệt

Đặc điểm của khung dệt: Về nguyên tắc, dệt vải là sự liên kết giữa sợi dọc và sợi ngang một cách sít sao, đảm bảo chất lượng, đồng thời tạo ra tấm vải có chiều dài và chiều ngang phù hợp với yêu cầu. Người Chil thường chỉ tạo ra được tấm vải có chiều ngang tối đa là 0,8m và chiều dài là 2,2m. Để liên kết sợi dọc và sợi ngang, người Chil đã sáng tạo ra bộ công cụ dệt gồm nhiều bộ phận rời nhau, khi dệt chúng mới được liên kết lại thành “khung dệt” qua sợi dọc, thậm chí liên kết với cơ thể của người dệt (lưng và chân). Khung dệt này gồm các bộ phận sau:

Dung pong: một đoạn nửa tròn dài 90cm, đường kính 4cm, dùng để thợ đạp chân vào cho mặt sợi căng lên trong quá trình dệt. *Pơ sa* là một thanh gỗ vuông, dài 88cm, ngang 4cm, dày 2cm, khoét rãnh hai đầu, đặt trước bụng người dệt, cùng với *dung pong*

nó có tác dụng làm căng mặt sợi và để cuốn dần vải khi đã dệt xong. *Pơ nơ:* miếng gỗ dẹp, mỏng, một đầu được vót chéo, có kích thước 6x90cm. *Pơ nơ* thường có 2 thanh, một thanh lớn và 1 thanh nhỏ, có chức năng là ngăn cách 2 tầng vải nhỏ ở tầng trên, tạo ra giữa 2 tầng ấy một khoảng đủ cho thoi chỏ luồn qua và để ép chặt các sợi ngang vào sợi dọc. *Lờ* là cây mây dài 90cm, đường kính 1cm được dùng vào việc tạo hoa văn... thường có 8 cây. *Lom pà:* gồm 2 nan lồ ô được vót mỏng, dài 80cm, ngang 1cm, dùng để giăng sợi, có chức năng chia tầng trên của tấm vải thành 2 tầng nhỏ đan chéo nhau khi sợi được giăng xong cũng như trong khi dệt. *Tơ nrau trau brài:* là thoi chỉ. *Kék:* những nan tre được vót nhọn 2 đầu dày hơn nan *lom pà* dùng để đo chiều ngang của tấm vải khi dệt, thường có 5 nan, dài từ 50 đến 80cm. *Sai pơ sa:* đoạn dây dài 2 - 3m dùng để móc vào 2 đầu của *pơ sa* và choàng qua lưng người dệt. *Piêh sokà:* một thanh lồ ô dài 20 - 30cm, được vót mỏng một bên, dùng cắt tấm vải ra làm đôi khi đã dệt xong. Ngoài ra còn có 2 thanh gỗ, 2 đầu đóng đinh cách nhau 1m làm dụng cụ giăng sợi.

Kỹ thuật dệt và tạo hoa văn: Kỹ thuật dệt là khâu chủ yếu, quyết định đến chất lượng sản phẩm và năng suất lao động. Đây là cả một quá trình công phu và phức tạp, đòi hỏi sự khéo léo, kinh nghiệm của người thợ dệt. Bắt đầu dệt, việc đầu tiên là giăng sợi (*wung brài*) tức là khâu tạo ra các sợi

dọc của tấm vải. Số lượng sợi dọc là bao nhiêu là do chiều ngang của tấm vải muốn dệt qui định và các sợi dọc này tạo thành một vòng khép kín (dệt xong sẽ được cắt ra ở chỗ giáp mối). Với khung dệt này, chiều dài của tấm vải là 2,20m, tức là khoảng cách hai đầu của sợi dọc độ 1,1m. Việc bắt sợi dọc cũng bao gồm các thao tác đưa các thanh công cụ dùng để tách sợi dọc ra làm hai để luồn sợi ngang qua.

Vòng sợi thứ nhất (vòng sợi lẻ) người ta bắt đầu kéo sợi từ mép ngoài của đoạn nửa tròn (hoặc thanh gỗ vuông) vòng xuống mặt dưới nan lò ô *lom pa* thứ nhất, kéo thẳng lên mặt trên nan lò ô *lom pa* thứ hai, rồi lại được kéo vòng qua thanh gỗ vuông và kéo đến đoạn nửa tròn. Vòng sợi thứ nhất được hoàn thành. Người ta tiếp tục kéo vòng sợi thứ 2 (vòng sợi chẵn): việc kéo sợi cũng giống như vòng thứ nhất song khi sợi kéo tới nan lò ô *lom pa* thứ nhất sẽ vòng lên mặt trên (ngược với vòng sợi thứ nhất) và đến nan lò ô *lom pa* thứ hai thì được vòng xuống mặt dưới (ngược với vòng thứ nhất). Các thao tác cứ như thế lặp đi lặp lại liên tục cho đến khi tạo thành mặt sợi dọc tấm vải, theo thứ tự các vòng sợi lẻ và vòng sợi chẵn được giăng xen kẽ nhau như đã mô tả trên. Cách giăng sợi trên làm cho sợi trở thành một vòng kín, gồm 2 tầng trên và dưới.

Việc tạo dáng hoa văn trên vải được tiến hành khi sợi dọc được đưa vào khung để đập sợi ngang. Khi giăng sợi, người thợ dệt cần tính toán chính

xác và kỹ lưỡng để giăng các sợi màu tạo hoa văn bên cạnh sợi nền, theo một công thức đã định sẵn trong đầu họ. Thông thường phụ nữ ở đây, giăng sợi tạo hoa văn *khan mất* trước, sợi *khan mất* sẽ chia sợi được sắp thành 3 phần tương đối bằng nhau. Họ lấy phần sợi *khan mất* ở giữa làm đường cố định, để từ đó lần lượt giăng các sợi nền, sợi màu tạo hoa văn ra 2 bên. Tiếp theo, là việc đập sợi sau khi người thợ dệt đưa mặt sợi dọc vào khung dệt và lắp đặt xong các công cụ dệt còn lại. Người dệt ngồi duỗi thẳng 2 chân, để đoạn nửa tròn trên 2 ngón chân cái, thanh gỗ vuông được để trước bụng, kế đó là dùng cây mây dài 90cm ép lên thân thanh gỗ vuông, kẹp thật chặt rồi cuốn nhiều vòng mặt sợi vào thân thanh gỗ vuông và cây mây dài 90cm này, sao cho các sợi dọc tấm vải từ đoạn nửa tròn đến thanh gỗ vuông được căng lên. Người dệt dùng sợi dây *sai pơ sa* choàng qua lưng buộc thật chặt vào 2 đầu thanh gỗ vuông, mục đích để mặt sợi dọc của tấm vải từ đoạn nửa tròn đến thanh gỗ vuông luôn căng trong khi dệt.

Sau đó, người ta lấy miếng gỗ dẹp luồn vào khoảng cách giữa hai tầng nhỏ ở phần đan chéo phía sau và dựng lên thẳng đứng tạo một khoảng trống lớn giữa hai tầng nhỏ để làm *tong kao*. Họ luồn một sợi chỉ to (được bện từ 2 - 3 sợi chỉ) gọi là *brài tong kao* từ phía bên này vào khoảng trống mà miếng gỗ dẹp tạo ra và kéo thẳng về phía bên kia. Một đầu của nó,

được quấn vài vòng tạm thời lên đầu một cây lồ ô dài 90cm dùng để làm *tong kao*. Kế tiếp, họ dùng một cây lồ ô dài 90cm khác kẹp lên thân cây lồ ô cũng có chiều dài tương tự để cho việc làm *tong kao* dễ dàng, họ dùng tay lần lượt móc sợi *tong kao* ở phía dưới tầng nhỏ thứ nhất lên vòng qua hai cây lồ ô dài này theo chiều ngược lại, vừa làm người ta vừa đẩy 2 cây lồ ô dài 90cm này qua bên kia cho đến hết. Từng vòng của sợi *tong kao* sẽ xuyên qua 3 - 4 sợi dọc của mặt sợi ở tầng nhỏ thứ nhất. Sau khi mắc xong, họ sẽ rút 1 cây lồ ô dài này ra và chỉ để lại 1 cây. Nhiệm vụ của cây *tong kao* cùng với một cây lồ ô khác (cũng được gọi là *tong kao*) đặt ở giữa 2 tầng nhỏ ở phần đan chéo phía trước là đảo hai tầng nhỏ đều đặn trên xuống dưới, dưới lên trên khi dệt.

Khâu tiếp theo, người ta sẽ rút 2 nan lồ ô *lom pà* ra, rồi dùng thanh gỗ vuông đập lần lượt từng nan vào phần sợi gần thanh gỗ vuông giống như cách đập sợi ngang và chỉnh sửa cho hai nan này thật thẳng bề ngang. Mục đích đập hai nan lồ ô *lom pà* vào nhằm “coi đó như hai sợi gốc” cho việc đập sợi ngang được thẳng và dễ dàng. Đây là một công đoạn rất quan trọng, ảnh hưởng đến toàn bộ tấm vải, vì nếu chỉ cần lệch một xíu tấm vải sẽ hỏng hoàn toàn. Chính vì vậy, khi làm nan lồ ô *lom pà*, người ta sẽ phải vót cho nó thật mỏng và quan trọng hơn là phải thật thẳng.

Hệ thống các cây lồ ô dài cũng được xếp ngang vào hai tầng nhỏ (ở đoạn

giữa đoạn nửa tròn và phần đan chéo phía trước của hai tầng nhỏ) và chia tầng nhỏ thành nhiều tầng nhỏ nữa. Thường số lượng cây lồ ô dài gắn vào phần này là 5 - 7 cây, tùy số lượng hoa văn mà người dệt cần tạo ra. Tiếp đến, người dệt dùng sáp ong xoa đều trên bề mặt ngang của miếng gỗ dẹp, rồi sau đó họ luồn miếng gỗ dẹp vào khoảng giữa hai tầng nhỏ chà lên, chà xuống mặt sợi cho trơn giúp việc đập sợi sau dễ dàng hơn. Cuối cùng, họ chỉnh lại các mặt sợi dọc trên khung dệt cho đều, rồi đập sợi, để các sợi ngang thật sát vào nhau. Điểm cần lưu ý là, việc đập sợi chỉ diễn ra giữa hai tầng nhỏ của tầng trên mà thôi. Tầng trên sau khi đã dệt thành mặt vải, có thể hoán vị cho tầng dưới mới chỉ là những thảm dọc, việc luân chuyển đó cứ diễn ra trong suốt quá trình đập sợi.

Khi đập sợi, người thợ hơi thả lỏng hai chân ở chỗ đặt đoạn nửa tròn, để mặt sợi chùng lại, hai tay cầm hai đầu 2 - 3 thanh lồ ô dài ở phía trước cuốn mặt vải khoảng một vòng (gọi là *pốt lôr*), rồi họ bỏ tay trái ra, chỉ giữ bằng tay phải, tay trái họ cầm vào đoạn giữa *tong kao* thực hiện thao tác ở *tong kao*. *Tong kao* được nâng lên, tách tầng nhỏ thứ nhất ra khỏi tầng nhỏ thứ hai, tạo ra một khoảng rộng ở giữa 2 tầng. Tay phải lúc này, thôi không giữ các cây lồ ô dài nữa mà cầm miếng gỗ dẹp đưa vào giữa khoảng rộng giữa hai tầng mà *tong kao* mới tạo ra, cùng lúc họ sẽ thả *tong kao* xuống, dùng hai chân đập đoạn nửa tròn làm mặt sợi căng lên lại.

Miếng gỗ dẹp cũng được dựng lên thẳng đứng (phần lưỡi ngựa lên) thao tác này gọi là *trô plàng pơ nơ*.

Theo đó, tay phải luôn thoi chỉ từ bên phải qua bên trái, miếng gỗ dẹp được bật lên đập xuống mạnh cho sợi ngang sít chặt vào sợi dọc và nứt ra cùng lúc. Sau đó, người thợ lại dùng hai tay đẩy hệ thống *tong kao* (gồm hai cây như đã nói ở trên) lên phía trước một đoạn rất nhỏ, rồi kéo về lại. Động tác này gọi là *hít tong kao*, nó sẽ làm tầng sợi nhỏ phía trên đảo xuống phía dưới, tầng sợi nhỏ phía dưới đảo lên trên. Các sợi dọc ở hai tầng này được đan chéo nhau. Tay phải tiếp tục cầm miếng gỗ dẹp đưa vào giữa hai tầng sợi nhỏ và đập mạnh để ép chặt phần sợi dọc đan chéo của hai tầng sợi nhỏ vào sợi ngang đập cho chặt lại. Miếng gỗ dẹp lại được dựng lên và thoi chỉ cũng được luôn ngược lại từ trái qua phải lúc này miếng gỗ dẹp sẽ bị bật xuống, tiếp tục đập sợi ngang sít lại.

Các thao tác này cứ tiếp tục cho đến khoảng cách giữa hai đầu tấm vải là 10cm thì dừng lại. Lúc này, việc dệt tấm vải bằng công cụ dệt coi như đã xong. Người dệt rút hết các công cụ dệt ra, chỉ chừa lại đoạn nửa tròn và thanh gỗ vuông. Họ thực hiện công đoạn *tế*, nghĩa là dùng tay đan từng nút một nhằm “khóa” hai đầu tấm vải dệt lại cho sợi khỏi bị bung khi sử dụng. Công đoạn này, người dệt tiến hành một cách hết sức chậm rãi, họ cũng có thể tạo ra một loại hoa văn rất đặc biệt, được đánh giá rất cao gọi là

kondoh kôp (cái mai rùa). Khi thực hiện công đoạn *tế* xong, người dệt sẽ tháo hết đoạn nửa tròn và thanh gỗ vuông ra. Họ dùng *piéh sokàr* là thanh lồ ô dài 20 - 30cm vót mỏng một bên cắt đi phần sợi “không được dệt” giữa hai đầu tấm vải ra làm đôi. Tấm vải dệt đã hoàn thành, gọi theo tiếng địa phương là tấm *Ui*⁽⁵⁾.

Trong suốt quá trình dệt, việc tạo hoa văn được người dệt thực hiện song hành với việc đập sợi, nói cách khác, họ dệt vải cũng đồng thời dệt luôn hoa văn. Bằng cách đan cài các sợi dọc và sợi ngang theo một công thức cố sẵn trong đầu, việc lách “mũi” thanh gỗ dẹp kết hợp với hệ thống cây lồ ô dài, họ có thể tạo ra bất kỳ hoa văn theo ý muốn của mình. Đây là công đoạn phức tạp nhất trong suốt quá trình dệt vải. Do vậy, chỉ có một số người già và một số phụ nữ có kinh nghiệm mới thực hiện được.

Hoa văn cổ truyền trên vải của người Chil là sự hình học hóa các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên mà họ quan sát và lựa chọn. Theo tìm hiểu của chúng tôi, hoa văn cổ truyền trên vải của người Chil có 14 loại. Trong đó, có 6 hoa văn lấy hình mẫu từ các loài động vật trong tự nhiên, 3 loại hoa văn thực vật, 2 loại hoa văn mô phỏng dụng cụ sinh hoạt và sản xuất, 2 hoa văn đồ hình trang trí tường tượng (*ranh và khàn kláp*), 1 loại hoa văn có sự đan cài giữa hoa văn đồ hình trang trí tường tượng và đồ án phỏng theo đặc điểm hình thể của động vật (*kơ sôl*)⁽⁶⁾.

3. CÁC LOẠI SẢN PHẨM DỆT

Vải và thổ cẩm dệt (vải có hoa văn) của người Chil ở Lạc Dương trước đây được dùng để may trang phục truyền thống (khố nam, áo nam, váy nữ, áo nữ), làm tấm đắp, khăn đội đầu... Khố cho nam giới rộng 2,5 x 0,3m, chia ra làm 2 loại: khố bình thường (*ui truôn*) có kết cấu hoa văn đơn giản, dùng cho mọi lứa tuổi; *Ui truôn krinh* có nhiều hoa văn và cách trang trí cầu kỳ, dùng cho những người có vai vế trong bon như *kwǎng bon*, trưởng tộc. Ngoài ra, ở nam giới còn có áo chui đầu, được may từ tấm vải dệt rộng độ 40 - 50cm được gấp lại, khâu đường thẳng ở hai bên sườn, chừa lỗ để xỏ tay và khoét một lỗ ở phía trên làm cổ áo. Trang phục truyền thống của phụ nữ Chil chỉ là một chiếc váy quấn (hay còn gọi là váy hở), gọi là *Ui pon*, có kích thước 2,2m x 1,2m. Váy quấn được làm bằng cách khâu ghép hai tấm vải có kích thước 2,2m x 0,6m lại với nhau. Trước đây, phụ nữ Chil thường để ngực trần vào ngày nóng, còn ngày lạnh thì quấn khăn choàng. Về sau họ cũng sáng tạo cho mình một loại áo giống với áo của nam giới là áo chui đầu, nhưng áo chui đầu của phụ nữ thường không có tay, bó sát thân, dài tới thắt lưng, không xẻ tà, vạt trước và sau bằng nhau, cổ áo khoét tròn.

Theo truyền thống thì các sản phẩm dệt còn được dùng làm tấm chắn đắp hoặc khoác, dùng để địu con và liệm người chết, bao gồm: *Ui nguốc*: được dùng để choàng quanh người khi trời

lạnh, dài 2,20m, ngang 1,4m có nhiều hoa văn hơn trên váy; *Ui dah* (*dah*: nửa): là một tấm vải (một nửa của váy) dùng để địu con; *Ui bò* (vải trắng) hay *Ui crùng* (vải phủ người chết): dài 2,20m, ngang 1,2m, không nhuộm, dùng để liệm người chết.

4. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG VÀ TRUYỀN NGHỀ TRONG NGHỀ DỆT CỎ TRUYỀN

Nghề dệt của người Chil ở Lạc Dương trước đây lệ thuộc vào nghề trồng bông. Mặc dù là hoạt động sản xuất khá phổ biến, nhưng nghề dệt cổ truyền của người Chil chưa đạt đến giai đoạn chuyên môn hóa, trở thành một nghề tách khỏi nông nghiệp. Những bon có truyền thống về nghề dệt trước đây thường cư trú ven sông suối, nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc trồng bông. Việc tổ chức sản xuất vẫn ở phạm vi gia đình và người ta chỉ dệt sau khi thời vụ trồng lúa hay bắp, kể cả trồng bông đã xong. Trong nền kinh tế sản xuất mang tính tự cấp, tự túc, sản phẩm dệt của người Chil chủ yếu để tiêu dùng trong phạm vi gia đình và buôn làng. Sản phẩm dùng để trao đổi không đáng kể và người ta cũng không quan tâm đến nhu cầu của người tiêu thụ. Việc tổ chức sản xuất trong nghề dệt của họ xét về mặt xã hội chỉ bao gồm hai quá trình là phân công lao động theo giới tính và tuổi tác giữa các thành viên trong gia đình và quá trình truyền nghề là từ thế hệ trước cho thế hệ sau, hay từ người lớn tuổi cho người trẻ tuổi.

Trẻ em được truyền thụ nghề dệt từ trong gia đình và tùy theo độ tuổi mà

các em tham gia những công việc phù hợp với thể lực của mình. Việc đi lấy cây, làm dụng cụ dệt cũng như chế tác các công cụ dệt đều do đàn ông làm. Chính vì vậy các bé trai, cũng được cha, ông cho cùng đi lấy cây trong rừng và dạy cách làm các loại công cụ dệt. Các bé gái ngoài việc hái bông, phơi bông còn được dạy từ những việc đơn giản như bần bông, cán bông, sau đó học se chỉ, dệt và đặc biệt là học cách làm các loại hình hoa văn.

Cơ chế truyền nghề - học nghề ở đây là “*quan sát - phụ việc - làm thử - hoàn thiện - rành nghề*” ngay tại gia đình. Các trẻ em không chỉ biết làm các công việc của nghề dệt, mà còn kế thừa được nhiều tập quán, tín ngưỡng liên quan, đặc biệt là các chuyện kiêng cử trong nghề. Có thể nói, việc học nghề và làm nghề dệt là những hoạt động gắn liền với quá trình xã hội hóa của những đứa trẻ vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, hiện nay người lớn tuổi ít có cơ hội truyền thụ kinh nghiệm dệt cho các thế hệ trẻ và phần lớn giới trẻ cũng không còn thích thú hoặc quan tâm học dệt, vì nghề dệt không còn là hoạt động sản xuất cần thiết cho cộng đồng như trước đây.

Sản phẩm dệt của người Chil ở Lạc Dương trước đây chủ yếu là để tiêu dùng (may trang phục, làm tấm choàng, tấm đắp, tấm dju con) và làm quà cáp theo phong tục⁽⁷⁾. Khi cần thiết, họ cũng đem sản phẩm dệt đi trao đổi với người Chu ru, Cơ ho Lạch, Cơ ho Nộp hay Cơ ho Srê ở nhiều

vùng khác nhau... Thỉnh thoảng, họ còn trực tiếp đem các tấm *Ui* đến vùng người Ê đê ở Đăk Lăk, người Chu ru ở Đơn Dương (Lâm Đồng) để đổi lấy bông vải, hoặc đến chỗ người Raglai ở Ninh Thuận để đổi lấy muối, lấy sắt thỏi để rèn nông cụ. Mỗi chuyến đi như vậy thường kéo dài khoảng hai tuần. Ông Rơ Ông Ha Tang (76 tuổi, ở thôn K'Nớ 1, xã Đưng K'Nớ) từng tham gia các chuyến đi đổi sản phẩm dệt cho biết: “Khoảng những năm đầu thế kỷ XX họ còn mang *Ui* đến tận Phan Rang để đổi lấy muối, nhưng khoảng 2 - 3 năm mới đi một lần. Mỗi lần đi đổi không quá 10 tấm”⁽⁸⁾. Hiện nay người Chil bắt đầu làm các sản phẩm bán cho khách du lịch, nhưng các sản phẩm dệt vẫn chưa thật sự trở thành hàng hóa.

5. THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG CỦA NGHỀ DỆT CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI CHIL Ở LẠC DƯƠNG, LÂM ĐỒNG

Hiện nay, nghề dệt của người Chil tuy vẫn tồn tại, nhưng có xu hướng ngày càng giảm sút mạnh. Đó là một thực tế không chỉ trong nghề dệt của người Chil mà còn trong nghề dệt của hầu hết các tộc người thiểu số ở nước ta. Nguyên nhân chính là các sản phẩm dệt truyền thống không thể cạnh tranh nổi với sản phẩm dệt công nghiệp. Hiện nay sản phẩm dệt của người Chil đã có sự thay đổi và đa dạng hơn để phù hợp với thị hiếu, thị trường, chủ yếu là phục vụ thị trường du lịch, như các loại túi xách, dây đeo tay, băng kẹp sách, băng đô buộc lên trán...

Trên các sản phẩm dệt đó được thêu các dòng chữ: *Merry Christmas, God is love, Jesus love me, Mennonita Church, Lễ cảm tạ, Lang Biang, Thân tặng, Pray for Viet Nam...* Phần lớn sản phẩm được bày bán ở các khu du lịch như: núi Lang Biang, Đồi Mộng Mơ, Thung Lũng Tình Yêu, Thung Lũng Vàng...

Người Chil không còn trồng bông nữa; nguyên liệu dệt giờ đây là sợi len và sợi chỉ công nghiệp mua trên thị trường. Dù có giảm đi một số khâu trong qui trình dệt (trồng bông, kéo sợi, nhuộm,...) nhưng thời gian để hoàn thành một tấm vải vẫn khá lâu, khiến giá thành sản phẩm vẫn cao. Một tấm *Ui* dệt cỏ truyền có giá 600 nghìn đồng, trong khi đó một tấm *Ui* may bằng vải công nghiệp giá chỉ 200 nghìn đồng, rẻ gấp 3 lần so với sản phẩm thủ công. Vì vậy các sản phẩm dệt thủ công tiêu thụ rất chậm, thu

nhập của người thợ dệt thấp, nghề dệt ngày càng thu hẹp dần.

Hiện nay, chỉ có một vài hộ dân có mối liên kết với các cá nhân/doanh nghiệp buôn bán sản phẩm dệt bao tiêu thì còn duy trì nghề dệt một cách thường xuyên. Một số hộ chỉ dệt khi có đơn đặt hàng hoặc trong khoảng thời gian cận Noel đến Tết Dương lịch, hay trong mùa hè, lúc có đông khách du lịch đến Đà Lạt tham quan. Gần đây, nhiều hộ người Chil ở Lạc Dương chuyển sang trồng cà phê, các loại rau và hoa, hoặc lao động làm thuê, nên có thu nhập khá hơn, đời sống sung túc hơn. Vì vậy nghề dệt càng sa sút.

Để bảo tồn và phát triển nghề dệt truyền thống của người Chil, vào năm 2007, chính quyền huyện Lạc Dương đã đầu tư xây dựng một xưởng dệt ở thôn Bnơ C, thị trấn Lạc Dương, kêu gọi các lao động có tay nghề trong

Bảng 1. Thời gian hoàn thành và giá bán một số sản phẩm dệt cỏ truyền của người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng hiện nay

STT	Tên sản phẩm	Kích thước	Thời gian hoàn thành	Giá bán (1.000đ)
1	Băng đô	03cm x 60cm	30 phút/1 cái	30 đ/1 cái
2	Kẹp sách	03cm x 20cm	30 phút/1 cái	20 đ/1 cái
3	Dây đeo tay	01cm x 30cm	01 giờ/5 cái	10 đ/1 cái
4	Khăn choàng cổ	0,3m x 2m	2 ngày/cái	200 đ/ 1 cái
5	Túi xách	40cm x 50cm	3 ngày/1 cái	300 đ/1 cái
6	Khăn trải bàn	0,6 m x 2,5m	4 ngày/1 cái	400 đ/1 cái
7	Tấm <i>Ui</i> bằng sợi len/ sợi chỉ công nghiệp	1m x 2,2m/ 1,2m x 2,2m	7 ngày/tấm	600 - 700 đ/1 tấm
8	Bộ váy áo	–	10 ngày/bộ	1 triệu/1 bộ
9	Tấm <i>Ui</i> bằng sợi nhuộm	1m x 2,2m/ 1,2m x 2,2m	1 tháng/1 tấm	2 - 3 triệu/1 tấm

Nguồn: Võ Tấn Tú 2016.

huyện tập trung lại đây nhằm xây dựng một làng dệt truyền thống của người Chil. Chính quyền còn muốn đưa nghề dệt từ sản xuất “tự cấp - tự túc” lên thành sản xuất “hàng hóa” có tính chuyên môn hóa, có quy hoạch, qua đó huy động nguồn lực hỗ trợ phát triển làng nghề. Tuy nhiên, xưởng dệt chỉ hoạt động được một thời gian thì đóng cửa, do không có thị trường tiêu thụ. Thực chất là do năng suất lao động thấp, giá thành sản phẩm cao, không thể tiêu thụ được.

Kinh nghiệm trên cho thấy nên chăng cần đặt mục tiêu bảo tồn lên trước mục tiêu kinh tế, trong khi vẫn nỗ lực tìm kiếm một mô hình phù hợp để đảm bảo cho cả hai mục tiêu bảo tồn nghề và thu nhập thích đáng cho người lao động. Có thể cần phải biến cả “hoạt động sản xuất nghề dệt” thành một “gói sản phẩm du lịch” trong một điểm du lịch có nhiều “gói sản phẩm du lịch” để cung ứng cho du khách. Một điểm du lịch làm hài lòng du khách ngoài thắng cảnh thiên nhiên cần có nhiều loại sản phẩm du lịch khác nhau để điểm du lịch trở nên phong phú và đa dạng về sản phẩm du lịch. Ngành du lịch và các công ty du lịch vì vậy cần hỗ trợ và đầu tư để “nghề dệt” cũng thành sản phẩm du lịch chứ không chỉ là sản phẩm dệt. “Gói sản phẩm dệt phục vụ du lịch” sẽ thỏa mãn nhu cầu quan sát của du khách và du khách có thể trải nghiệm thực tế bằng cách trực tiếp tham gia các khâu sản xuất cũng như mua sản phẩm dệt với giá phù hợp. Để làm

được điều này, chính quyền tỉnh Lâm Đồng cần phối hợp với các công ty du lịch để quy hoạch các tuyến du lịch văn hóa sinh thái gắn với du lịch làng nghề, hoặc đưa hoạt động sản xuất nghề dệt vào các điểm du lịch đã có “thương hiệu”, để các nghề dệt và sản phẩm dệt của họ được tiếp cận thường xuyên hơn với khách du lịch.

Mặt khác, ngành văn hóa cần sưu tầm và trưng bày một cách có hệ thống về hoạt động sản xuất nghề dệt truyền thống của người Chil, tư liệu hóa hoạt động sản xuất nghề dệt dưới dạng phim ảnh và tài liệu nghiên cứu. Đây cũng là giải pháp bảo tồn và quảng bá về nghề dệt cũng như sản phẩm dệt có nét độc đáo riêng của người Chil.

Thực trạng nghề dệt truyền thống của người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng cũng là tình trạng của nhiều nghề truyền thống khác của các dân tộc ở Việt Nam. Để có những giải pháp hiệu quả, trước nhất, theo chúng tôi, cần có một quan điểm thiết thực trong việc bảo tồn các nghề thủ công truyền thống. Đó là “ưu tiên bảo tồn các nghề thủ công truyền thống trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc”, bởi vì nghề thủ công cũng như một số loại hình văn hóa phi vật thể khác (nghệ thuật dân gian, lễ hội,...) nếu mất đi sẽ khó có thể phục hồi được. Trong một số trường hợp nhà nước cần dành một khoản ngân sách để nuôi dưỡng các nghề này. Ngành văn hóa và các ngành liên quan cần nghiên cứu và lập danh mục các nghề có khả năng bị biến mất để đưa ra kế hoạch duy trì ở

một mức độ thích hợp – có lưu ý đến việc truyền nghề, cũng như tái tạo các nghề đã mất nhưng vẫn còn nghề nhân biết nghề. Bên cạnh đó, ngành văn hóa và các ngành liên quan, các

viện nghiên cứu và các trường đại học cần nghiên cứu các nghề thủ công truyền thống để bảo tồn các nghề này dưới dạng các tư liệu với nhiều hình thức khác nhau. □

CHÚ THÍCH

(1) Theo Quyết định số 121-CCTK/PPCĐ ngày 2/3/1979, của Tổng cục Thống kê chính thức ban hành “*Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*”, thì tộc người Cơ-ho gồm nhiều nhóm địa phương là Cơ-don, Chil, Lạt, Nộp, Trinh, Xrê, trong *Tạp chí Dân tộc học*, số 1/1979, tr. 58-63.

(2) Theo số liệu của Hội thảo khoa học về *Ý thức tự giác của người Chil*, do Viện Dân tộc thuộc Ban Dân tộc Chính phủ tổ chức tại Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/11/2012.

(3) Theo số liệu này thì huyện Lạc Dương có 12.606 người Chil, sống tập trung ở các xã Đạ Sar (4.010 người), Đạ Nhim (3.367 người), xã Lạt (2.175 người), Đưng K'nớ (1.741 người), Đạ Chais (1.295 người), thị trấn Lạc Dương (18 người)...

(4) Theo Quyết định số 1270/QĐ-TTg, của Thủ tướng, ngày ngày 27/7/2011, Phê duyệt đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”, thì một trong sáu mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2 (2016 - 2020) là “Mỗi huyện vùng dân tộc thiểu số được hỗ trợ phát triển ít nhất 2 nghề truyền thống, dân ca dân vũ hoặc hoạt động du lịch đặc trưng góp phần phát triển kinh tế - xã hội”.

(5) Tùy vào phát âm có thể gọi là “Ui”, người Chil ở huyện Lạc Dương gọi là “Ui”.

(6) Tên gọi các hoa văn này phản ánh đặc trưng mô phỏng của chúng:

- Sáu hoa văn động vật: ngoko kòn nờp (cổ con chim cu), Sombăh rung rơng (con sâu đục thân cây), lòi lòi (con bọ rầy), klông bốp (bụng con kỳ nhông), mắt sêm (mắt chim), pung t'răng (mạng nhện);

- Ba hoa văn thực vật: prờ tó (hoa nở), n'ha sra (lá cọ), n'ha guôi (lá đùng đĩnh);

- Hai hoa văn mô phỏng dụng cụ sinh hoạt: dưng srông (mũi chông), Ngkơr wiêh (cán xà gạt);

- Hai hoa văn đồ hình trang trí tưởng tượng (ranhvà khăn klạp): Krơ sôl (đường gấp khúc), Ranh may, ranh kòn (viền nhỏ, viền lớn);

- Một hoa văn kết hợp hoa văn đồ hình trang trí tưởng tượng và đồ án phỏng theo đặc điểm hình thể của động vật (krơ sôl) là khăn klạp (các chấm màu ngắt quãng).

(7) Theo phong tục của người Chil ở Lạc Dương thì sau khi cưới, chú rể về cư trú bên nhà vợ và để báo đáp công ơn cho cha mẹ chồng, các cô dâu phải làm các tấm *ui* thật đẹp để tặng cho cha mẹ chồng. Trong quá trình dệt, các chú rể cũng phụ giúp vợ làm công cụ dệt, tìm nguyên liệu nhuộm,...

(8) Phỏng vấn ngày 15/3/2015.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002 Quy định chi tiết thi hành một số điều của *Luật Di sản văn hóa*.

2. Nghị định Số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 Quy định chi tiết thi hành

một số điều của *Luật Di sản văn hóa và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật số 28/2001/QH10 Về *Di sản văn hóa*, ngày 29/6/2001.

4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật số: 32/2009/QH12, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2010).

5. Ủy ban Nhân dân huyện Lạc Dương. 2012. *Biểu thống kê nhân khẩu, hộ khẩu đăng ký thường trú phân loại theo dân tộc ở huyện Lạc Dương*. Lạc Dương: ngày 15/11/2012.